

# Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Thông tin chung	1 - 2
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31

\*\*\*\*\*



## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam tiền thân là Nhà máy Phốt pho thuộc Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam (nay là Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam) (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 76/QĐ-HCVN ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300433116, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 24 tháng 6 năm 2010, thay đổi gần nhất là lần thứ 4, ngày 29 tháng 10 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phốt pho vàng, axit photphoric và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến sản phẩm phốt pho vàng.

### TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : Khu công nghiệp Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai.  
Điện thoại : 0214 3863 488  
Fax : 0214 3863 037  
Mã số thuế : 5 3 0 0 4 3 3 1 1 6

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thanh Bình	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên
Ông Phạm Trường Giang	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Minh Loan	Trưởng ban
Bà Nguyễn Kim Dung	Thành viên
Ông Huỳnh Phúc Lộc	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Quốc Hùng	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2025
Ông Phạm Trường Giang	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2025

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Quốc Hùng.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

2  
IG  
IH  
T  
V  
10  
10

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Lê Quốc Hùng**

Giám đốc

Lào Cai, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Số: 039/2025/BCTC-FAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 01 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)**

---

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 07 tháng 02 năm 2025.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC**



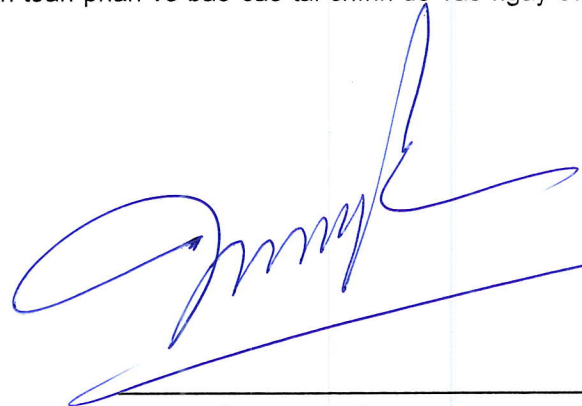
**Đỗ Hoàng Chương - Phó Tổng Giám đốc**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề*

*kiểm toán số 2662-2023-099-1*

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 27 tháng 01 năm 2026



**Đàm Tuấn Anh - Kiểm toán viên**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề*

*kiểm toán số 5445-2026-099-1*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>190.236.859.603</b>	<b>208.419.548.749</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>27.056.160.123</b>	<b>108.123.932.624</b>
1 Tiền	111		27.056.160.123	20.123.932.624
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	88.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.556.956.812</b>	<b>39.648.027.850</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	74.192.192.332	40.540.514.575
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	48.600.000	627.341.900
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.000.000	128.646.575
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.688.835.520)	(1.648.475.200)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>90.276.433.801</b>	<b>57.916.120.240</b>
1 Hàng tồn kho	141		90.276.433.801	57.916.120.240
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>347.308.867</b>	<b>2.731.468.035</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	134.849.727	23.276.491
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		82.520.420	2.708.191.544
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	129.938.720	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>19.058.983.044</b>	<b>16.386.939.956</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.080.967.441</b>	<b>12.919.747.891</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	10	15.324.996.060	11.163.776.510
- Nguyên giá	222		92.873.016.524	85.868.948.499
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.548.020.464)	(74.705.171.989)
2 Tài sản cố định vô hình	227	11	1.755.971.381	1.755.971.381
- Nguyên giá	228		1.790.971.381	1.790.971.381
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.000.000)	(35.000.000)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>242.502.028</b>	<b>241.322.199</b>
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	242.502.028	241.322.199
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.735.513.575</b>	<b>3.225.869.866</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.735.513.575	3.225.869.866
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>209.295.842.647</b>	<b>224.806.488.705</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>48.807.449.965</b>	<b>54.200.332.638</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>48.055.830.044</b>	<b>54.200.332.638</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	8.370.245.137	14.939.391.639
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	-	41.173.746
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	14.790.285.543	14.201.352.581
4 Phải trả người lao động	314		10.565.972.665	12.110.952.552
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	90.000.000	139.117.882
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	18	115.151.552	60.576.480
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	14.124.175.147	12.707.767.758
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>751.619.921</b>	-
1 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	29.3	751.619.921	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>160.488.392.682</b>	<b>170.606.156.067</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>160.488.392.682</b>	<b>170.606.156.067</b>
1 Vốn cổ phần	411	20.2	60.487.200.000	60.487.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.487.200.000	60.487.200.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418	20.5	15.364.276.747	15.364.276.747
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		84.636.915.935	94.754.679.320
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.813.500.734	38.394.822.081
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		58.823.415.201	56.359.857.239
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>209.295.842.647</b>	<b>224.806.488.705</b>

**Vũ Thị Minh Huệ**

Kế toán trưởng - Người lập biểu

Lào Cai, ngày 27 tháng 01 năm 2026



**Lê Quốc Hùng**

Giám đốc

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	21	<b>503.327.696.903</b>	<b>484.218.010.479</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	21	<b>503.327.696.903</b>	<b>484.218.010.479</b>
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	22	406.100.733.705	387.797.746.843
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>97.226.963.198</b>	<b>96.420.263.636</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	6.104.110.482	3.717.974.920
7 Chi phí tài chính	22	24	714.362.561	383.702.412
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.566.197	-
8 Chi phí bán hàng	25	25	12.223.067.071	10.859.346.427
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	16.841.910.939	18.386.046.173
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>73.551.733.109</b>	<b>70.509.143.544</b>
11 Thu nhập khác	31		147.600.000	14.500.000
12 Chi phí khác	32		9.428.196	29.797.084
<b>13 Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	27	<b>138.171.804</b>	<b>(15.297.084)</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>73.689.904.913</b>	<b>70.493.846.460</b>
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29.1	14.114.869.791	14.133.989.221
16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29.3	751.619.921	-
<b>17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>58.823.415.201</b>	<b>56.359.857.239</b>
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	9.725	7.920
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	9.725	7.920



**Vũ Thị Minh Huệ**

Kế toán trưởng - Người lập biểu

Lào Cai, ngày 27 tháng 01 năm 2026



**Lê Quốc Hùng**

Giám đốc

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>73.689.904.913</b>	<b>70.493.846.460</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10	2.842.848.475	2.184.990.847
- Các khoản dự phòng	03		40.360.320	72.648.576
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	23	36.223.774	(190.935.893)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	23	(1.657.527.118)	(1.475.643.127)
- Chi phí lãi vay	06	24	34.566.197	-
<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>74.986.376.561</b>	<b>71.084.906.863</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(31.170.892.117)	1.662.465.502
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(32.360.313.561)	24.881.070.899
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		(3.294.190.553)	8.114.012.110
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.378.783.055	(128.850.447)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(34.566.197)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(14.133.989.221)	(14.550.156.001)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.037.571.197)	(8.328.246.013)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(11.666.363.230)</b>	<b>82.735.202.913</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.699.347.854)	(1.679.638.900)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	14.500.000
3 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.786.173.693	1.384.441.757
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(8.913.174.161)</b>	<b>(280.697.143)</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20.3	(60.487.200.000)	(30.243.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(60.487.200.000)</b>	<b>(30.243.600.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(81.066.737.391)</b>	<b>52.210.905.770</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>108.123.932.624</b>	<b>55.895.942.476</b>
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.035.110)	17.084.378
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>27.056.160.123</b>	<b>108.123.932.624</b>

**Vũ Thị Minh Huệ**

Kế toán trưởng - Người lập biểu

Lào Cai, ngày 27 tháng 01 năm 2026



**Lê Quốc Hùng**

Giám đốc

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam tiền thân là Nhà máy Phốt pho thuộc Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam (nay là Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam) (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 76/QĐ-HCVN ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300433116, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 24 tháng 6 năm 2010, thay đổi gần nhất là lần thứ 4, ngày 29 tháng 10 năm 2025.

Công ty có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phốt pho vàng, axit photphoric và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến sản phẩm phốt pho vàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 78 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 76 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

#### Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

### 3.6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc 05 - 25 năm
- Máy móc và thiết bị 04 - 10 năm
- Phương tiện vận tải 06 - 10 năm
- Thiết bị quản lý 03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính 02 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

### 3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**3.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.11. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- *Quỹ Đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

- *Quỹ thưởng ban điều hành*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng ban điều hành theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

### 3.12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 3.13. Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.14. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	34.495.382	63.590.090
Tiền gửi ngân hàng	27.021.664.741	20.060.342.534
Các khoản tương đương tiền	-	88.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.056.160.123</b>	<b>108.123.932.624</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc tế Lavita	31.688.409.600	3.281.472.000
Toyota Tsusho Corporation	-	17.615.760.975
Sandhya Organic Chemicals Pvt Ltd	-	8.993.040.000
Công ty Cổ phần Victory	7.053.868.800	-
Prasol Chemicals Limited (Mahad Factory)	-	8.993.040.000
Cocreate Global Technologies Private Limited	7.770.528.768	-
NB. Mitsubishi Corporation	5.678.316.000	-
Krishna antixid Ants Pvt Ltd	5.835.406.752	-
Intech Organics Limited	6.492.129.920	-
Phải thu các khách hàng khác	9.673.532.492	1.657.201.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>74.192.192.332</b>	<b>40.540.514.575</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.688.835.520)	(1.648.475.200)

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Thiên Nga	-	553.500.000
Công ty TNHH Kiểm toán FAC	48.600.000	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	-	73.841.900
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.600.000</b>	<b>627.341.900</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lãi tiền gửi	-	128.646.575
Ký quỹ, ký cược	5.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.000.000</b>	<b>128.646.575</b>

**8. NỢ XẤU**

VND

Đối tượng nợ (*)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị	80.632.000	-	80.632.000	-
CitiChem India Limited	1.608.203.520	-	1.567.843.200	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.688.835.520</b>	<b>-</b>	<b>1.648.475.200</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại Thuyết minh số 5.

**9. HÀNG TỒN KHO**

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	71.006.396.934	-	30.097.000.220	-
Công cụ, dụng cụ	619.226.330	-	514.208.338	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.431.241.074	-	1.604.801.465	-
Thành phẩm	17.219.569.463	-	25.700.110.217	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.276.433.801</b>	<b>-</b>	<b>57.916.120.240</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B09-DN

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Số đầu năm	41.722.223.233	33.618.255.944	7.440.370.229	3.088.099.093	85.868.948.499
Mua trong năm	-	2.073.973.965	4.895.594.060	34.500.000	7.004.068.025
Số cuối năm	41.722.223.233	35.692.229.909	12.335.964.289	3.122.599.093	92.873.016.524
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	38.100.243.944	26.564.110.859	6.440.853.636	190.234.546	71.295.442.985
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	39.339.150.843	26.893.101.845	6.653.640.516	1.819.278.785	74.705.171.989
Khấu hao trong năm	399.934.326	1.178.745.223	767.943.469	496.225.457	2.842.848.475
Số cuối năm	39.739.085.169	28.071.847.068	7.421.583.985	2.315.504.242	77.548.020.464
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	2.383.072.390	6.725.154.099	786.729.713	1.268.820.308	11.163.776.510
Số cuối năm	1.983.138.064	7.620.382.841	4.914.380.304	807.094.851	15.324.996.060

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	1.755.971.381	35.000.000	1.790.971.381
Số cuối năm	<u>1.755.971.381</u>	<u>35.000.000</u>	<u>1.790.971.381</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	-	35.000.000	35.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	-	35.000.000	35.000.000
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>35.000.000</u>	<u>35.000.000</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	1.755.971.381	-	1.755.971.381
Số cuối năm	<u>1.755.971.381</u>	<u>-</u>	<u>1.755.971.381</u>
<i>Trong đó:</i>			
Sử dụng để thế chấp	1.755.971.381	-	1.755.971.381

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đầu tư xây dựng nhà kho chứa nguyên liệu	242.502.028	241.322.199
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>242.502.028</b></u>	<u><b>241.322.199</b></u>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí mua bảo hiểm	39.917.458	18.340.757
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	86.390.000	-
Chi phí trả trước khác	8.542.269	4.935.734
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>134.849.727</b>	<b>23.276.491</b>

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	278.513.946	387.019.590
Chi phí sửa chữa	1.387.116.142	2.619.121.367
Chi phí cải tạo cây xanh	30.609.375	153.046.875
Chi phí trả trước khác	39.274.112	66.682.034
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.735.513.575</b>	<b>3.225.869.866</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	-	-	3.314.137.447	3.314.137.447
Công ty Điện lực Lào Cai - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	3.708.587.938	3.708.587.938	4.360.930.812	4.360.930.812
Công ty TNHH Điện tử động hóa B & I	-	-	4.247.600.000	4.247.600.000
Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vạn Phúc	1.541.380.976	1.541.380.976	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xuất nhập khẩu An Phát	1.122.850.385	1.122.850.385	-	-
Phải trả đối tượng khác	1.997.425.838	1.997.425.838	3.016.723.380	3.016.723.380
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.370.245.137</b>	<b>8.370.245.137</b>	<b>14.939.391.639</b>	<b>14.939.391.639</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải VinaWay	-	27.790.120
Công ty TNHH Triệu Gia Bảo	-	13.383.626
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>41.173.746</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế Xuất, Nhập khẩu	-	13.835.891.794	(13.835.891.794)	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.134.007.422	14.114.869.791	(14.133.989.221)	14.114.887.992
Thuế Thu nhập cá nhân	17.713.186	3.397.211.888	(2.789.159.496)	625.765.578
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	268.352.000	(398.290.720)	(129.938.720)
Các loại thuế khác	49.631.973	659.190.562	(659.190.562)	49.631.973
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.201.352.581</b>	<b>32.275.516.035</b>	<b>(31.816.521.793)</b>	<b>14.660.346.823</b>
Trong đó:				
Thuế phải nộp	14.201.352.581			14.790.285.543
Thuế nộp thừa (*)	-			129.938.720

(\*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí kiểm toán	90.000.000	90.000.000
Các khoản khác	-	49.117.882
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.000.000</b>	<b>139.117.882</b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả chi phí hoa hồng	115.151.552	60.576.480
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>115.151.552</b>	<b>60.576.480</b>

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

		VND	
		Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		12.707.767.758	17.434.627.301
Trích lập trong năm	<i>(Thuyết minh số 20.1)</i>	8.453.978.586	3.601.386.470
Sử dụng trong năm		(7.037.571.197)	(8.342.746.013)
Tăng khác		-	14.500.000
Số cuối năm		<u>14.124.175.147</u>	<u>12.707.767.758</u>

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND			
	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	60.487.200.000	-	72.482.285.298	132.969.485.298
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	56.359.857.239	56.359.857.239
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	15.364.276.747	(18.965.663.217)	(3.601.386.470)
Chia cổ tức	-	-	(15.121.800.000)	(15.121.800.000)
Số cuối năm	<u>60.487.200.000</u>	<u>15.364.276.747</u>	<u>94.754.679.320</u>	<u>170.606.156.067</u>
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	60.487.200.000	15.364.276.747	94.754.679.320	170.606.156.067
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	58.823.415.201	58.823.415.201
Trích lập quỹ từ lợi nhuận (*)	-	-	(8.453.978.586)	(8.453.978.586)
Chia cổ tức (*)	-	-	(60.487.200.000)	(60.487.200.000)
Số cuối năm	<u>60.487.200.000</u>	<u>15.364.276.747</u>	<u>84.636.915.935</u>	<u>160.488.392.682</u>

(\*) Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 02 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 là 100% vốn điều lệ (tương ứng 60.487.200.000 VND); trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành với mức trích lần lượt là 10% và 5% lợi nhuận sau thuế năm 2024 (tương ứng 5.635.985.724 VND và 2.817.992.862 VND).

**20.2. Chi tiết vốn cổ phần**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	3.934.548	65,05%	3.934.548	65,05%
Ông Lê Quốc Hùng	622.080	10,28%	622.080	10,28%
Ông Nguyễn Thanh Bình	600.000	9,92%	600.000	9,92%
Ông Đinh Hữu Thắng	628.000	10,38%	628.000	10,38%
Các cổ đông khác	264.092	4,37%	264.092	4,37%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.048.720</b>	<b>100,00%</b>	<b>6.048.720</b>	<b>100,00%</b>

**20.3. Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm	60.487.200.000	60.487.200.000
Số cuối năm	60.487.200.000	60.487.200.000
<b>Cổ tức đã công bố và đã trả</b>		
Cổ tức công bố	60.487.200.000	30.243.600.000
Cổ tức đã trả	(60.487.200.000)	(30.243.600.000)

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông với số tiền 60.487.200.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 02 năm 2025.

**20.4. Cổ phiếu**

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.048.720	6.048.720
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.048.720	6.048.720
Cổ phiếu phổ thông	6.048.720	6.048.720
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.048.720	6.048.720
Cổ phiếu phổ thông	6.048.720	6.048.720

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**20.5. Quỹ đầu tư và phát triển**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư và phát triển	15.364.276.747	15.364.276.747
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.364.276.747</b>	<b>15.364.276.747</b>

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán phốt pho vàng	490.931.899.863	431.527.367.965
Doanh thu bán axit photphoric	-	31.224.552.476
Doanh thu bán quặng bột apatit	10.478.024.476	19.690.004.247
Doanh thu khác	1.917.772.564	1.776.085.791
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>503.327.696.903</b>	<b>484.218.010.479</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	69.568.934.400	37.353.369.600
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	433.758.762.503	446.864.640.879

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn phốt pho vàng	386.718.863.171	343.182.901.616
Giá vốn axit photphoric	-	29.539.828.312
Giá vốn quặng bột apatit	5.569.991.621	9.650.245.995
Thuế GTGT không được khấu trừ	13.811.878.913	5.424.770.920
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>406.100.733.705</b>	<b>387.797.746.843</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.657.527.118	1.461.143.127
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.446.583.364	2.065.895.900
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	190.935.893
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.104.110.482</b>	<b>3.717.974.920</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	34.566.197	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	643.572.590	383.702.412
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.223.774	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>714.362.561</b>	<b>383.702.412</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	-	156.122.761
Chi phí vật liệu, bao bì	28.732.934	28.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.021.375.169	10.573.338.263
Chi phí bán hàng khác	172.958.968	101.885.403
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.223.067.071</b>	<b>10.859.346.427</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	10.145.899.043	10.961.666.330
Chi phí vật liệu quản lý	417.730.644	444.979.291
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.022.263.631	767.664.136
Thuế, phí và lệ phí	(126.938.720)	968.704.000
Chi phí dự phòng	42.844.032	72.648.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.826.837.508	1.574.876.244
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.513.274.801	3.595.507.596
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.841.910.939</b>	<b>18.386.046.173</b>

**27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	14.500.000
Tiền phạt thu được	147.600.000	-
	<b>147.600.000</b>	<b>14.500.000</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản bị phạt	-	(97.084)
Các khoản khác	(9.428.196)	(29.700.000)
	<b>(9.428.196)</b>	<b>(29.797.084)</b>
<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN</b>	<b>138.171.804</b>	<b>(15.297.084)</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	237.361.916.373	217.128.496.875
Chi phí nhân công	25.722.992.787	25.849.561.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định <i>(Thuyết minh số 10)</i>	2.842.848.475	2.184.990.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.196.109.991	133.025.049.655
Các chi phí khác	3.817.680.446	19.974.813.612
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>420.941.548.072</b>	<b>398.162.912.110</b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1. Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.114.869.791	14.133.989.221
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	751.619.921	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.866.489.712</b>	<b>14.133.989.221</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>73.689.904.913</b>	<b>70.493.846.460</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành	312.000.000	312.000.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và nợ phải thu cuối năm trước chưa tính thuế	190.935.895	(27.261.546)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và nợ phải thu	36.223.774	(190.935.895)
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	103.383.977	82.297.084
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>74.332.448.559</b>	<b>70.669.946.103</b>
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính</b>	<b>14.866.489.712</b>	<b>14.133.989.221</b>

**29.2. Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**29.3. Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả do khác biệt thời điểm ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ doanh thu dồn tích chưa tính thuế	751.619.921	-	751.619.921	-
	<b>751.619.921</b>	<b>-</b>	<b>751.619.921</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>			<b>751.619.921</b>	<b>-</b>

**30. CÁC GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**30.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Công ty mẹ
Nhà máy Hóa chất Đồng Nai - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Bán hàng	69.568.934.400	37.353.369.600
	Chia cổ tức	39.345.480.000	19.672.740.000
Nhà máy Hóa chất Đồng Nai - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Mua hàng	-	2.971.940.792

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

**30.2. Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập của Ban Giám đốc	3.122.853.100	2.509.221.708
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị	1.465.819.208	1.125.000.000
Thu nhập của các thành viên Ban kiểm soát	1.582.198.165	1.272.975.321
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.170.870.473</u></b>	<b><u>4.907.197.029</u></b>

**31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế (VND)	58.823.415.201	56.359.857.239
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành (VND)	-	(8.453.978.586)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>58.823.415.201</b>	<b>47.905.878.653</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	6.048.720	6.048.720
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
<i>Lãi cơ bản</i>	9.725	7.920
<i>Lãi suy giảm</i>	9.725	7.920

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2025 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2025 do chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2024 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 theo tỷ lệ được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 02 năm 2025.

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được mang sang từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

**33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngoại tệ</b>		
Đô la Mỹ (USD)	83.424,39	85.022,92

2447  
IG T  
IHH  
TO  
AC  
HỒ

**34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

**Vũ Thị Minh Huệ**

Kế toán trưởng - Người lập biểu

Lào Cai, ngày 27 tháng 01 năm 2026



**Lê Quốc Hùng**

Giám đốc

